TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 414/2019/DS-ST
Ngày: 30/8/2019
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Như Sương.

2. Bà Bùi Thụy Thanh Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quốc Thiên Hương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 242/2019/TLST-DS ngày 12/4/2019 về "Tranh chấp đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST-DS ngày 22/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2019/QĐST-DS ngày 14/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Kim M, sinh năm 1973; địa chỉ: xx đường Thái Phiên, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Bị đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1963; địa chỉ: xx đường Thái Phiên, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh;

Ông N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện được nộp vào ngày 04/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Kim M là nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Kim M và ông Trần Văn N đã ly hôn vào năm 2003 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 352/CNTTLH ngày 23/9/2003 của Tòa án nhân dân Quận 11. Sau khi ly hôn, năm 2009 bà M kinh doanh bất động sản và đã tạo dựng các tài sản như sau: Căn nhà số xx Thái Phiên, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, bà M đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3709/2009/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận 11 cấp

ngày 07/12/2009; sau đó bà M mua 01 chiếc xe tải biển số 54X-2124 và năm 2017 bà mua thêm 01 chiếc xe máy hiệu SH Mode của Nhật biển số 59M2-08789. Tất cả các tài sản này đều là tài sản riêng của bà M và do bà M đứng tên chủ sở hữu, hoàn toàn không liên quan đến ông N.

Năm 2013 do ông N không có chỗ ở ổn định và các con vẫn muốn có sự quan tâm của cả cha và mẹ nên bà M đã cho ông N về ở chung trong nhà xx Thái Phiên, Phường x, Quận 11 nhưng thực chất bà M và ông N không có chung sống như vợ chồng và cũng không đăng ký kết hôn lại. Do hai người vẫn không hòa hợp, ông N vẫn không thay đổi, không lo làm ăn, lại nhậu nhẹt và đánh bà M nên bà phải bỏ nhà ra ngoài thuê và sống bên ngoài 01 năm để không liên quan đến ông N.

Ông N lợi dụng lúc bà không có mặt ở nhà đã đem xe SH Mode và xe tải của bà đi giấu chỗ khác, đồng thời mở tủ lấy bản chính Giấy tờ sở hữu nhà xx Thái Phiên, Phường x, Quận 11 và giấy tờ xe SH Mode, xe tải của bà mà không giao trả dù bà đã yêu cầu Công an Phường 9, Quận 11 can thiệp và giải quyết. Ngoài ra ông N còn tự ý rao bán nhà và 02 chiếc xe của bà M.

Ngày 04/4/2019, bà Trần Kim M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 11 buộc ông Trần Kim N phải trả ngay cho bà 01 chiếc xe tải biển số 54X-2124 01 chiếc xe máy hiệu SH Mode của Nhật biển số 59M2-08789. Đồng thời, yêu cầu ông N trả ngay bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3709/2009/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận 11 cấp ngày 07/12/2009, bản chính giấy tờ xe tải biển số 54X-2124 và bản chính giấy tờ xe SH mode biển số 59M2-08789 do bà M đứng tên sở hữu.

Ngày 26/4/2019, do hai bên tự thỏa thuận xong về chiếc xe tải và xe SH mode nên Bà M có Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông N trả bản chính giấy tờ và trả tài sản của bà là 02 chiếc xe: chiếc xe tải biển số 54X-2124 và chiếc xe máy SH mode biển số 59M2-08789. Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc ông Trần Văn N trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3709/2009/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận 11 cấp ngày 07/12/2009 cho bà đứng tên chủ sở hữu đối với nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số xx Thái Phiên, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Tại biên bản hòa giải ngày 23/4/2019 và Bản tự khai ngày 26/4/2019 bị đơn ông Trần Văn N trình bày:

Ông và bà Trần Kim M đã ly hôn từ năm 2003 đúng như bà M trình bày, ông N cũng xác định các tài sản: Căn nhà xx Thái Phiên, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, xe tải biển số 54X-2124 và chiếc xe máy SH mode biển số 59M2-08789 là do bà M mua và đứng tên chủ sở hữu từ năm 2009. Ông có chạy xe tải chở hàng phụ bà M sau khi bà M mua xe nhưng không có chứng cứ chứng minh các tài sản nhà đất và xe tải, xe SH đang tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng, ông N cũng không có yêu cầu phản tố chia tài sản chung đối với các tài sản nêu trên.

Ông N xác định hiện đang giữ các bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3709/2009/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận 11 cấp ngày 07/12/2009 cho bà Trần Kim M đứng tên chủ sở hữu đối với nhà và đất tại địa chỉ xx đường Thái Phiên, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra ông N cũng giữ bản chính giấy tờ và xe SH Mode biển số 5932-08789 của bà M đứng tên, giữ bản chính giấy tờ xe tải và xe tải biển số 54X-2124 của bà M đứng tên sở hữu. Đối với yêu cầu của bà M về bản chính giấy tờ xe và xe SH mode, xe tải ông N đề nghị hai bên tự giải quyết. Riêng đối với bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, ông không đồng ý trả lại cho bà M vì ông sợ bà M đem thế chấp Giấy tờ nhà cho Ngân hàng thì cha con ông sẽ không có chỗ ở. Ông chỉ đồng ý giao lại bản chính giấy chủ quyền nhà đất nêu trên cho con trai ông là Trần Ngọc T.

Đối với Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà M về bản chính giấy tờ xe tải, xe SH Mode và rút yêu cầu đòi lại tài sản là 2 chiếc xe trên, ông không có ý kiến phản đối.

Nguyên đơn bà Trần Kim M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời bà M xác định vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình làm việc tại tòa. Đề nghị Tòa án buộc ông Trần Văn N trả lại bản chính giấy tờ chủ quyền nhà xx Thái Phiên, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà.

Bị đơn ông Trần Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn do nguyên đơn rút một phần yêu cầu.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Trần Văn N trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3709/2009/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận 11 cấp ngày 07/12/2009 cho bà Trần Kim M . Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Kim M khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn N trả lại giấy tờ nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số xx Thái Phiên, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà M. Bị đơn hiện cư trú tại Quận 11 nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11 theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Kim M có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn ông Trần Văn N đến Tòa để trình bày ý kiến. Tại Biên bản hòa giải ngày 23/4/2019 và Bản tự khai ngày 26/4/2019 lập tại Tòa án, ông N thừa nhận đang giữ các bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tọa lạc tại địa chỉ xx đường Thái Phiên, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh theo số vào sổ 3709/2009/UB.GCN ngày 07/12/2009 do Ủy ban nhân dân Quận 11 đã cấp cho bà Trần Kim M đứng tên sở hữu nhà. Ngoài ra ông N cũng giữ bản chính giấy tờ và xe SH Mode biển số 5932-08789, giữ bản chính xe tải và xe tải biển số 54X-2124 của bà M đứng tên sở hữu. Ông N không đồng ý trả lại giấy tờ nhà cho bà M. Tòa án đã tiếp tục triệu tập hợp lệ bị đơn đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 1 khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án lập biên bản ghi nhận về việc không hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

* Đối với Đơn yêu cầu rút một phần nội dung khởi kiện của nguyên đơn: Xét nội dung rút yêu cầu không trái quy định pháp luật nên được chấp nhận.

* Xét yêu cầu của Nguyên đơn buộc bị đơn là ông Trần Văn N trả bản chính giấy tờ chủ sở hữu nhà xx đường Thái Phiên, Phường x, Quận 11:

Căn cứ vào Công văn số 3162/VPĐK-CNQ11 ngày 19/6/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh Quận 11 đã xác nhận: " *Căn nhà số xx đường Thái Phiên, Phường x, Quận 11 do bà Trần Kim M đứng tên chủ sở hữu trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3709/2009/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận 11 cấp ngày 07/12/2009* ". Xét thấy, bà M và ông N ly hôn vào năm 2003, năm 2009 bà M mua nhà, được cấp và đứng tên trên Giấy chủ quyền nhà hợp pháp, ông N không có chứng cứ chứng minh căn nhà là tài sản chung của ông và bà M. Vì vậy có cơ sở xác định căn nhà trên là tài sản riêng của bà M, hoàn toàn không liên quan đến ông N.

Ông N xác định hiện đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở của bà M, bà M là chủ sở hữu tài sản trên thì bà M có quyền yêu cầu đòi lại tài sản, buộc ông N phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận của bà căn cứ vào Điều 166 Bộ luật dân sự quy định về quyền đòi lại tài sản như sau: " *Chủ sở hữu có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản không có căn cứ pháp luật"*. Vì vậy, việc bà M yêu cầu đòi lại bản chính giấy tờ chủ sở hữu nhà là có cơ sở.

[4] Về yêu cầu của bị đơn:

Căn cứ biên bản hòa giải ngày 23/4/2019 và Bản tự khai ngày 26/4/2019 ông Trần Văn N xác nhận bà Trần Kim M đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở căn nhà xx đường Thái Phiên, Phường x, Quận 11 và ông hiện đang giữ bản chính Giấy chứng nhận nêu trên của bà M. Ông N không

đồng ý giao trả bản chính Giấy chứng nhận trên cho bà M và yêu cầu được giao bản chính giấy tờ nhà trên cho con trai là Trần Ngọc T cất giữ.

Xét thấy, ông N không phải là chủ sở hữu tài sản và cũng không có sự ủy quyền của chủ sở hữu là bà bà M nên ông không có quyền định đoạt tài sản của người khác theo quy định tại Điều 194, 195 Bộ luật dân sự 2015 đã quy định: *" Người không phải là chủ sở hữu tài sản chỉ có quyền định đoạt tài sản theo ủy quyền của chủ sở hữu hoặc theo quy định pháp luật "*. Vì vậy, ông N không có quyền tự định đoạt là giao cho Trần Ngọc T giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của bà M được.

Như vậy, căn cứ vào những nhận định trên phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa, xét thấy có đủ cơ sở buộc ông Trần Văn N phải giao trả cho bà Trần Kim M bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3709/2009/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận 11 cấp ngày 07/12/2009

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Kim M không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí. Ông Trần Văn N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 238, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 115, Điều 166 và Điều 194 và 195 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Trần Văn N giao trả bản chính giấy tờ xe tải biển số 54X-2124 và bản chính giấy tờ xe gắn máy hiệu SH Mode biển số 5932-08789 do bà Trần Kim M đứng tên chủ sở hữu.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Trần Văn N giao trả tài sản là chiếc xe tải biển số 54X-2124 và xe gắn máy hiệu SH Mode biển số 5932-08789 cho bà Trần Kim M.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Kim M về việc đòi ông Trần Văn N trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở.

3. Buộc ông Trần Văn N có nghĩa vụ trả cho bà Trần Kim M bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số xx đường Thái Phiên, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh theo

số vào sổ 3709/2009/UB.GCN ngày 07/12/2009 do Ủy ban nhân dân Quận 11 đã cấp cho bà Trần Kim M đứng tên chủ sở hữu.

Trường hợp ông N không thực hiện việc giao trả bản chính Giấy chủ quyền nhà nêu trên cho bà Trần Kim M thì bà M được quyền liên hệ với cơ quan chức năng có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của mình theo quy định pháp luật.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn N phải chịu án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Hoàn lại cho bà Trần Kim M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0010017 ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mỹ Duyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mỹ Duyên

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 40 phút, ngày 30 tháng 8 năm 2019.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Như Sương;

2. Bà Bùi Thụy Thanh Thảo.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 69/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín; địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Đức Thắng là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số: 1386/2018/UQ-TTT ngày 19/12/2018).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh Trung, sinh năm 1985; địa chỉ: 150 đường Thái Phiên, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín về việc yêu cầu ông Huỳnh Thanh Trung trả nợ.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

2. Buộc ông Huỳnh Thanh Trung có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền còn nợ tính đến ngày 30/8/2019 là 25.325.480 đồng (Hai mươi lăm triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi đồng), trong đó, số tiền nợ gốc là 7.535.684 đồng, tiền lãi quá hạn là 17.789.796 đồng. Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Huỳnh Thanh Trung có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày 31/8/2019 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 02/7/2010 và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín với ông Huỳnh Thanh Trung.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Thanh Trung phải chịu án phí là 1.266.274 đồng (Một triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 554.760 đồng (Năm trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0009645 ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 8 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mỹ Duyên